TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 8/6/2020
"V/v tranh chấp: Xin ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạch Vân

2. Ông Trương Thanh Giảng

Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Giữ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 8 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "*Xin ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐ-HPT ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị L** – sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã B, huyện K, tỉnh K.

- Bị đơn: Anh **Danh T** – sinh năm 1976 (Có đơn xin xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện K, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 08/10/2019, phiên hòa giải ngày 05/03/2020 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Vào năm 1999 chị với anh Danh T chung sống với nhau, có tổ chức đám cưới, và đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/1999 tại Ủy Ban Nhân Dân xã B, huyện K, tỉnh K. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc và có sinh được 01 con chung Danh Thị Ái V,

sinh ngày 15/5/2014. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng ý kiến không tin tưởng lẫn nhau, chị L cho rằng anh T đã có người phụ nữ khác nên không còn yêu thương chị. Nay chị đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai người đã ly thân gần 2 năm nay. Do đó chị không thể tiếp tục chung sống với anh T được nữa. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Danh T;

- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2020 bị đơn anh Danh T trình bày:

Anh và chị L chung sống với nhau, có làm đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/1999 tại Ủy Ban Nhân Dân xã B, huyện K, tỉnh K.

Qúa trình chung sống sinh được 01 người con chung Danh Thị Ái V, sinh ngày 15/5/2014. Cuộc sống thường xuyên bất đồng quan điểm, cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau, chị L thường hay khiêu khích anh dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị Trần Thị L.

- Về con chung: Anh đồng ý giao 01 người con chung tên Danh Thị Ái V, sinh ngày 15/5/2014 cho chị L nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương phát biểu quan điểm về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Nhìn chung kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị L được ly hôn với anh Danh T, về con chung giao cháu Danh Thị Ái V cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng, anh Danh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi Cháu Danh Thị Ái V đủ 18 tuổi. Các vấn đề còn lại chị L không có yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội Đồng Xét Xử căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Danh Thanh.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh T là vợ chồng có đăng kết hôn theo đúng quy định pháp luật.

Nguyên nhân xin ly hôn: Chị L và anh T chung sống thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trong cuộc sống, chị L đã về cha mẹ ruột sinh sống, hai người đã ly thân gần 2 năm nay. Nay chị L nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T, anh T cũng thống nhất ly hôn với chị L. Tòa án đã thông báo cho anh T về việc chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và mời anh đến Tòa để hòa giải. Nhưng anh T không đến Tòa để làm việc đó Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 chấp nhận xử cho chị L được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị L và anh T trong quá trình chung sống có sinh được 01 người con chung tên Danh Thị Ái V sinh ngày 15/5/2014. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu cấp dưỡng của chị L là có căn cứ và anh T cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung và cho vay nợ: Không có nợ chung và không cho ai vay nợ.

[7] Về án phí: Chị L có yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Anh Danh T phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Danh T.

- Về con chung: Giao 01 người con chung tên Danh Thị Ái V, sinh ngày 15/5/2014 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng. Anh Danh T có nghĩa vụ thực hiện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2020.

Anh Danh T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cấm cản.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nợ và không cho ai vay nợ nên không xem xét.

2. Về án phí: Căn cứ vào điều 144, Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ, do chị Trần Thị L yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0000043 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương (đã thực hiện xong).

Án phí cấp dưỡng: Anh Danh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000đ theo quy định.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (8/7/2020). Anh Danh T được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h. Kiên Lương;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, hồ sơ
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Đình Đăng